TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/DS-ST
Ngày: 17 – 9 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Kim Mến.

2. Bà Đào Đắc Cẩm Tú.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Thị Mỹ Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Bà Phan Ngọc Điểm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025, về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 125/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trịnh Cẩm T**, sinh ngày 04/02/1986 – Chủ hộ Kinh doanh M 1.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Yến N**, sinh ngày 29/01/2001, (đại diện uỷ quyền, theo Giấy uỷ quyền chứng thực ngày 27/12/2024 của ông Trịnh Cẩm T); (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp L, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn C**, sinh ngày 01/01/1962.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp M, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng); (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Trương Thị H**, sinh ngày 01/01/1968.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, thành phố Cần Thơ (địa chỉ cũ: Ấp M, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng); (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T – Chủ hộ Kinh doanh M 1 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Yến N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Từ ngày 16/7/2015 đến ngày 26/3/2017, nguyên đơn Hộ kinh doanh M 1 có bán thức ăn công nợ thức ăn tôm và thuốc thuỷ sản cho ông Nguyễn Văn C; hai bên đã giao nhận hàng và thoả thuận khi đến thu hoạch tôm ông C sẽ thanh toán toàn bộ công nợ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, đến khi thu hoạch tôm ông C không trả tiền cho nguyên đơn, còn nợ lại nguyên đơn số tiền 85.406.000 đồng (Tám mươi lăm triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Ngày 24/4/2020, lập đối chiếu xác nhận công nợ giữa hộ kinh doanh M 1 với ông C, thì ông C ký nhận nợ số tiền nêu trên. Do ông C không thanh toán đúng như thoả thuận và công nợ cao, nên nguyên đơn có quyền cắt hàng và yêu cầu ông C thanh toán hết số tiền hàng còn nợ, nguyên đơn được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn C trả ngay một lần cho nguyên đơn số tiền là 85.406.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày Bản án/Quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn.

Trong Bản tự khai và Đơn xin xét xử vắng mặt cùng ngày 15/9/2025, bà N yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H trả số tiền là 84.406.000 đồng (Tám mươi bốn triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn đồng), vì vào ngày 25/8/2025 ông C đã trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và yêu cầu tính lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

2. Trong biên bản lấy lời khai đương sự của đương sự ngày 12/9/2025 của Toà án đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/9/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông Nguyễn Văn C có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thuỷ sản của nguyên đơn, phần nhiều là mua thức ăn nuôi tôm, ít mua thuốc thuỷ sản và có nợ tiền như nguyên đơn khởi kiện. Đến ngày 25/8/2025 ông C đã trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), nên còn nợ 84.406.000 đồng (Tám mươi bốn triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn đồng). Hai bên có làm hợp đồng mua bán, bên nguyên đơn với ông C ký tên, còn bà Trương Thị H không ký, vì bà H đi làm không có ở nhà.

Đây là nợ chung của ông cùng với vợ ông là bà Trương Thị H vì việc đầu tư nuôi tôm là nhằm phát triển kinh tế của vợ chồng ông.

Nay ông C đồng ý trả cho nguyên đơn 84.406.000 đồng. Nhưng do nuôi tôm thua lỗ, hoàn cảnh khó khăn, nên ông C xin trả 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/năm cho đến khi dứt nợ.

3. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H: Bà H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, lấy lời khai nhưng bà H đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo ông Nguyễn Văn C trình bày thì bà H đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh nên không tham gia vụ án được.

4. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu buộc ông C và bà H trả nợ do mua thức ăn tôm, thuốc thuỷ sản là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T – Chủ hộ kinh doanh M 1 yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H trả nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thuỷ sản, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp M, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nay là ấp M, xã T, thành phố Cần Thơ nên theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Toà án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Bà Phạm Thị Yến N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Văn C đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, không yêu cầu độc lập. Việc vắng mặt của các đương sự không gây khó khăn, ảnh hưởng đến

việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.4] Nay bà N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu ông C và bà H trả nợ 84.406.000 đồng; việc bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện này là phù hợp theo Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Văn C đều thống nhất là từ ngày 16/7/2015 đến ngày 26/3/2017, Hộ kinh doanh M 1 do ông T làm chủ có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thuỷ sản cho ông Nguyễn Văn C để ông C nuôi tôm; ông T đã giao đầy đủ số lượng hàng hóa theo yêu cầu của ông C. Đến ngày 24/4/2020, hai bên lập đối chiếu xác nhận công nợ thì ông C còn nợ số tiền là 85.406.000 đồng. Đến ngày 25/8/2025 ông C đã trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), nên còn nợ 84.406.000 đồng (Tám mươi bốn triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn đồng), căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), đây là các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự không phải chứng minh.

Theo ông C thì đây là nợ chung của ông cùng với vợ ông là bà Trương Thị H vì việc mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thuỷ sản là nhằm đầu tư nuôi tôm để tạo thu nhập cho vợ chồng ông. Do đó, có cơ sở xác định đây là nợ chung của ông C với bà H.

[3] Từ những phân tích trên, thấy rằng ông C và bà H còn nợ ông T - Chủ hộ kinh doanh M 1 theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 430, 434, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông C và bà H trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 84.406.000 đồng (Tám mươi bốn triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn đồng).

[4] Ông C xin gia hạn thời gian trả nợ, nhưng không được bên nguyên đơn chấp nhận, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Do đó, chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T – Chủ hộ kinh doanh M 1.

Đồng thời, căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ông C và bà H còn phải chịu tiền lãi đối với tiền nợ gốc cho đến khi trả xong nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6.1] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T – Chủ hộ kinh doanh M 1 được chấp nhận toàn bộ nên trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[6.2] Ông C và bà H có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn, đáng lẽ Ông, Bà phải chịu án phí dân sự, cụ thể: 84.406.000 đồng x 5% = 4.220.300 đồng, nhưng ông C là người cao tuổi và thuộc trường hợp được miễn án phí sơ thẩm nên được miễn tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Vì vậy, bà H phải chịu án phí là 2.110.150 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 357, 430, 434, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Cẩm T – Chủ hộ kinh doanh M 1 về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H trả tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thuỷ sản.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trịnh Cẩm T – Chủ hộ kinh doanh M 1 số tiền nợ gốc là 84.406.000 đồng (Tám mươi bốn triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là ông Trịnh Cẩm T – Chủ hộ kinh doanh M 1 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là ông Nguyễn Văn C và bà Trương Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Trịnh Cẩm T – Chủ hộ kinh doanh M 1 không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.135.000 đồng (Hai triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001741 ngày 04/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ.

3.2. Bị đơn ông Nguyễn Văn C thuộc trường hợp được miễn án phí sơ thẩm nên không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

3.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H phải chịu 2.110.150 đồng (Hai triệu một trăm mười nghìn một trăm năm mươi đồng) án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Toà án tống đạt bản án theo quy định của pháp luật, để yêu cầu giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh